

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Ngân Thị Thu; sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Nông Công T; sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngân Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Nông Công T tự nguyện chung sống vào năm 2013 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, do ông T thường xuyên uống rượu dẫn đến hai bên thường cãi nhau, ông T không kìm chế bản thân nên đánh đập bà T. Bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi. Bà T không thể chịu đựng vì gia đình

không có hạnh phúc. Hiện nay tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung, gồm: Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và Nông Quốc Th; sinh ngày: 01/12/2016.

Bà T có nguyện vọng sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cả 02 cháu, mỗi cháu 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Nông Công T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông T trình bày: Ông T và bà T có tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau trong sinh hoạt. Ông T và bà T đã sống ly thân từ ngày 19/11/2020 cho đến nay nên tình cảm hai bên ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Bà T yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý.*

Về con chung: có 02 con chung, gồm: Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và Nông Quốc Th; sinh ngày: 01/12/2016. Ông T đồng ý giao 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng cho 02 cháu, mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nông Công T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Ngân Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nông Công T theo quy định. Do bị đơn ông Nông Công T có nơi cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: bà T và ông T chung sống với nhau vào năm 2013 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của các bên có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ông bà chung sống hạnh phúc từ năm 2013 đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, sau đó hai bên sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Do ông T đi làm xa nên mâu thuẫn không cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Mặc dù ông T vắng mặt nhưng theo đơn xin giải quyết vắng mặt ông gửi cho Tòa án thì ông T đồng ý với yêu cầu và ý kiến của bà T và đồng ý ly hôn. Như vậy có cơ sở xác định bà T và ông T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, không còn sự tôn trọng nhau và chăm sóc nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được cần chấp nhận.

[2] Về con chung: có 02 con chung, gồm: Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và Nông Quốc Th: sinh ngày: 01/12/2016.

Nguyên đơn bà Ngân Thị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và Nông Quốc Th: sinh ngày: 01/12/2016. Ông Nông Công T đồng ý giao 02 cháu cho bà Ngân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Ngân Thị T yêu cầu ông Nông Công T cấp dưỡng cho cả 02 cháu, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên theo văn bản gửi đến cho Tòa án thì ông T đồng ý cấp dưỡng cho cả 02 cháu, mỗi cháu 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi các cháu thành niên. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự.

[3] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét giải quyết

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 8; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngân Thị T về việc ly hôn. Bà Ngân Thị T được ly hôn với ông Nông Công T.

[2]. Về con chung:

Giao cháu Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và Nông Quốc Th: sinh ngày: 01/12/2016 cho bà Ngân Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Nông Công T cấp dưỡng cho cháu Nông Ngân Quốc T; sinh ngày: 01/01/2014 và cháu Nông Quốc Th: sinh ngày: 01/12/2016 mỗi tháng 2.000.000đồng/01 tháng/02 cháu cho đến khi các cháu thành niên.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngân Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016037 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Buộc ông Nông Công T phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Điền Thị Hạnh